

Số: /2025/NQ-HĐTP
(Dự thảo 3)

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Hướng dẫn về thực hiện thủ tục tố tụng trên môi trường điện tử tại Tòa án nhân dân

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 6 năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức tòa án nhân dân ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử năm ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

QUYẾT NGHỊ:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này hướng dẫn về thực hiện các thủ tục tố tụng và các thủ tục khác tại Tòa án mà pháp luật quy định được thực hiện trên môi trường điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với:

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân lựa chọn, yêu cầu thực hiện thủ tục tố tụng và các thủ tục khác trên môi trường điện tử.
- Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố; Tòa án nhân dân khu vực; Tòa án chuyên biệt.
- Nghị quyết này không áp dụng để thực hiện thủ tục giao, nhận hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử giữa Tòa án với Tòa án; giữa Tòa án với Viện kiểm sát và Cơ quan thi hành án dân sự.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Môi trường điện tử: là môi trường trong đó thông tin được tạo lập, cung cấp, trao đổi, thu thập, xử lý, lưu trữ thông qua mạng Internet, mạng máy tính, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

2. Thực hiện thủ tục tố tụng trên môi trường điện tử: là việc Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành toàn bộ hoặc một số bước thực hiện thủ tục tố tụng bằng phương tiện điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

3. Tài khoản giao dịch điện tử: là danh tính điện tử của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân được xác thực điện tử để đăng nhập vào Cổng thông tin điện tử của Tòa án khi thực hiện thủ tục tố tụng trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện thủ tục tố tụng trên môi trường điện tử

1. Việc thực hiện thủ tục tố tụng trên môi trường điện tử phải phù hợp với quy định của *luật tố tụng, pháp luật về giao dịch điện tử, nghị quyết này và pháp luật có liên quan.*

2. *Cơ quan, tổ chức, cá nhân được bảo đảm tự nguyện lựa chọn thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động tố tụng tại Tòa án.*

3. Việc thực hiện thủ tục tố tụng trên môi trường điện tử chỉ được thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Việc thực hiện thủ tục tố tụng trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý như các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều kiện tham gia giao dịch điện tử trong hoạt động tố tụng tại Tòa án

Cơ quan, tổ chức, cá nhân giao dịch điện tử trong hoạt động tố tụng tại Tòa án đáp ứng các điều kiện sau:

1. Cam kết thực hiện các quy trình về giao dịch điện tử do Tòa án nhân dân tối cao quy định;

2. Sử dụng chữ ký điện tử hoặc sử dụng hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử để thực hiện giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật;

Điều 6. Các hình thức xác thực để thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động tố tụng tại Tòa án

Việc sử dụng các hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử để thể hiện sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu mà không phải là chữ ký điện tử theo quy định của Tòa án nhân dân tối cao:

a) Xác thực bằng mật khẩu sử dụng một lần thông qua tin nhắn điện thoại hoặc ứng dụng trên thiết bị di động, hoặc các hình thức xác thực khác theo quy định pháp luật;

b) Xác thực bằng thiết bị lưu khóa bí mật đạt mức độ an toàn cao.

Điều 7. Sử dụng chữ ký điện tử trong hoạt động tố tụng tại Tòa án

1. Chữ ký điện tử trong hoạt động tố tụng tại Tòa án bao gồm chữ ký số và các loại chữ ký điện tử khác theo quy định của pháp luật.

2. Tòa án khi thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan, tổ chức, cá nhân phải sử dụng chữ ký điện tử do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

3. Chữ ký điện tử sử dụng để thực hiện có giá trị như chữ ký của cá nhân đó trong văn bản giấy.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân, Tòa án có trách nhiệm quản lý, sử dụng chữ ký điện tử theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Nghị quyết này và pháp luật có liên quan.

Điều 8. Đăng ký, đăng nhập và quản lý tài khoản trên Cổng thông tin điện tử Tòa án

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục tổ tụng trên Cổng thông tin điện tử Tòa án thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được kết nối, tích hợp trên Cổng thông tin điện tử Tòa án.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký tài khoản trên Cổng thông tin điện tử Tòa án được thực hiện khi cung cấp các thông tin định danh tương ứng với các phương thức đăng ký:

a) Áp dụng đối với tài khoản của cá nhân bằng việc đăng ký tài khoản định danh điện tử của Bộ Công an (VNeID) hoặc các hình thức hợp pháp khác;

b) Áp dụng đối với đăng ký tài khoản của cơ quan, tổ chức: Thông qua thiết bị lưu khóa bí mật hoặc các hình thức hợp pháp khác.

3. Việc đăng nhập tài khoản được thực hiện thông qua các phương thức:

a) Sử dụng tài khoản định danh điện tử bao gồm tên đăng nhập, mật khẩu hoặc hình thức xác thực khác do hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an tạo lập.

b) Sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật và kết hợp xác thực thông qua mã PIN từ thiết bị.

Điều 9. Thủ tục đăng ký giao dịch điện tử, thay đổi, bổ sung thông tin và đăng ký ngừng giao dịch điện tử

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng nhập tài khoản trên *Cổng dịch vụ công trực tuyến*, lựa chọn và tiến hành đăng ký giao dịch điện tử trên *Cổng dịch vụ công trực tuyến*.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng nhập tài khoản trên *Cổng dịch vụ công trực tuyến* để thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký và gửi đến Tòa án qua *Cổng dịch vụ công trực tuyến*.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng nhập tài khoản trên *Cổng dịch vụ công trực tuyến* để đăng ký ngừng gửi và nhận thông điệp dữ liệu điện tử.

Kể từ thời điểm Tòa án chấp nhận ngừng giao dịch điện tử, cơ quan, tổ chức, cá nhân không được thực hiện giao dịch điện tử theo hướng dẫn của Nghị quyết này. Trường hợp họ có yêu cầu đăng ký giao dịch điện tử lại thì thực hiện thủ tục đăng ký như đăng ký lần đầu theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Thời gian, địa chỉ thực hiện giao dịch điện tử

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện các giao dịch điện tử 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày Tết.

2. Ngày gửi thông điệp dữ liệu điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân được xác định là ngày Công thông tin điện tử của Tòa án xác nhận đã nhận được thông điệp dữ liệu điện tử do cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đến và ***có thể truy cập được***.

3. Ngày cấp, tổng đạt, thông báo thông điệp dữ liệu điện tử là ngày Công thông tin điện tử của Tòa án xác nhận đã gửi thông điệp dữ liệu điện tử đến tài khoản giao dịch điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân thành công và có thể truy cập được, trừ trường hợp hướng dẫn tại khoản 4 Điều 14 của Nghị quyết này. Thời điểm để tính thời hạn tố tụng là thời điểm thông điệp dữ liệu điện tử nhập vào tài khoản giao dịch điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân và ***có thể truy cập được***.

4. Sau khi gửi, nhận thông điệp dữ liệu điện tử hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3 Điều này, Tòa án in thông báo xác nhận giao dịch điện tử thành công để lưu hồ sơ vụ án.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân, Tòa án đã giao dịch điện tử thành công theo hướng dẫn tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thì được coi là đã gửi đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đến đúng địa chỉ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Điều 11. Giá trị pháp lý của bản sao điện tử

1. Bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc có giá trị sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính dạng văn bản giấy có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 12. Chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu

1. Thông điệp dữ liệu được chuyển đổi từ văn bản giấy phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

a) Thông tin trong thông điệp dữ liệu được bảo đảm toàn vẹn như văn bản giấy;

b) Thông tin trong thông điệp dữ liệu có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu;

c) Có ký hiệu riêng xác nhận đã được chuyển đổi từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu và thông tin của Tòa án thực hiện chuyển đổi;

d) Trường hợp văn bản giấy là giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, văn bản chấp thuận khác do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phát hành thì việc chuyển đổi phải đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm a, b và c khoản này và phải có chữ ký số của cơ quan, tổ chức thực hiện chuyển đổi, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi phải có tính năng chuyển đổi từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu.

2. Văn bản giấy được chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

a) Thông tin trong văn bản giấy được bảo đảm toàn vẹn như thông điệp dữ liệu;

b) Có thông tin để xác định được hệ thống thông tin và chủ quản hệ thống thông tin tạo lập, gửi, nhận, lưu trữ thông điệp dữ liệu gốc để tra cứu;

c) Có ký hiệu riêng xác nhận đã được chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu sang văn bản giấy và thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi;

d) Trường hợp thông điệp dữ liệu là chứng thư điện tử thì việc chuyển đổi phải đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm a, b và c khoản này và phải có chữ ký, con dấu (nếu có) của cơ quan, tổ chức thực hiện chuyển đổi theo quy định của pháp luật. Hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi phải có tính năng chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu sang văn bản giấy.

3. Giá trị pháp lý của văn bản được chuyển đổi theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Lưu trữ trong giao dịch điện tử

1. Hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng dưới dạng thông điệp dữ liệu điện tử khi gửi đến, gửi đi từ Cổng thông tin điện tử của Tòa án phải được lưu trữ trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, phải được Tòa án in ra bản giấy và lưu vào hồ sơ vụ án.

2. Tài liệu, chứng cứ là bản chính, bản sao hợp pháp mà cơ quan, tổ chức, cá nhân giao nộp theo hướng dẫn tại Điều 20 Nghị quyết này phải được lưu vào hồ sơ vụ án.

3. Thời hạn lưu trữ thông điệp dữ liệu điện tử được thực hiện như đối với thời hạn lưu trữ hồ sơ vụ án bằng văn bản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao. Trường hợp thông điệp dữ liệu điện tử hết thời hạn lưu trữ theo quy định nhưng có liên quan đến tính toàn vẹn về thông tin của hệ thống và các thông điệp dữ liệu điện tử đang lưu hành thì tiếp tục được lưu trữ cho đến khi việc hủy thông điệp dữ liệu điện tử hoàn toàn không ảnh hưởng đến các giao dịch điện tử khác.

Điều 14. Xử lý sự cố trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử

1. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện giao dịch điện tử do kỹ thuật, lỗi mạng từ phía người sử dụng thì phải tự khắc phục sự cố.

2. Trường hợp xảy ra sự cố do Cổng thông tin điện tử của Tòa án thì Tòa án có trách nhiệm thông báo ngay bằng thông điệp dữ liệu điện tử về sự cố của hệ thống, hạ tầng kỹ thuật và thời gian hệ thống hoạt động trở lại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được biết.

3. Trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử mà xảy ra sự cố, nếu sau 03 ngày không khắc phục được thì cơ quan, tổ chức, cá nhân phải gửi đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ; Tòa án phải cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng

phương thức khác theo quy định của pháp luật tố tụng. Thời gian không khắc phục được sự cố (03 ngày) được coi là trở ngại khách quan và không tính vào thời hạn tố tụng.

4. Quá trình giao dịch điện tử nếu hệ thống hạ tầng kỹ thuật Công nghệ thông tin điện tử của Tòa án gặp sự cố thì ngày gửi, nhận thông điệp dữ liệu điện tử được xác định là ngày thực tế thông điệp dữ liệu điện tử đó được gửi vào hệ thống của người nhận.

Điều 15. Bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin

1. Việc gửi, nhận, trao đổi, lưu trữ thông tin trong giao dịch điện tử phải được thực hiện theo quy định của Tòa án nhân dân tối cao, Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Công nghệ thông tin và pháp luật có liên quan khác.

2. Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin trong giao dịch điện tử; sử dụng, quản lý, bảo vệ thông điệp dữ liệu điện tử đúng pháp luật; tự mình hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp cần thiết bảo đảm tính an toàn, bảo mật, chính xác và toàn vẹn của thông điệp dữ liệu điện tử. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện tài khoản bị xâm phạm phải có trách nhiệm báo ngay cho Tòa án biết để khóa tài khoản giao dịch đó.

Điều 16. Tích hợp, chia sẻ dữ liệu định danh, xác thực

Tòa án nhân dân tối cao thực hiện việc tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu tại các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin thuộc thẩm quyền quản lý để xác thực thông tin. Việc tích hợp, chia sẻ thông tin đảm bảo việc vận hành thông suốt, hiệu quả; kịp thời phối hợp với các cơ quan liên quan khắc phục sự cố (nếu có).

Chương II

GỬI VÀ NHẬN ĐƠN KHỞI KIẾN, TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ

Điều 17. Gửi đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng nhập tài khoản trên Cổng dịch vụ công trực tuyến, gửi đơn khởi kiện kèm theo tài liệu, chứng cứ mà mình hiện có, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị quyết này.

2. Ngày khởi kiện là ngày cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đơn khởi kiện bằng phương thức gửi trực tuyến và được hệ thống xác nhận là gửi thành công.

Điều 18. Nhận và xử lý đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo

1. Tòa án phải gửi thông điệp dữ liệu điện tử xác nhận đã nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ đến tài khoản giao dịch điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Nội dung thông điệp dữ liệu điện tử theo quy định của pháp luật tố tụng và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Kết quả xử lý đơn khởi kiện được Tòa án gửi đến tài khoản giao dịch điện tử của người khởi kiện.

Điều 19. Gửi tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử đến Tòa án thông qua tài khoản giao dịch điện tử của mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị quyết này.

2. Sau khi nhận tài liệu, chứng cứ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Tòa án phải gửi xác nhận đã nhận được tài liệu, chứng cứ của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 20. Giao nộp tài liệu, chứng cứ tại Tòa án

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi tài liệu, chứng cứ qua Công thông tin điện tử của Tòa án phải nộp bản chính hoặc bản sao hợp pháp tài liệu, chứng cứ đó chậm nhất là tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại.

Đối với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi cho Tòa án bằng phương tiện điện tử sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại thì thời hạn giao nộp bản chính và bản sao hợp pháp tài liệu, chứng cứ đó được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng.

2. Đối với tài liệu, chứng cứ là vật chứng; tài liệu nghe được, nhìn được hoặc những tài liệu, chứng cứ khác mà không thể định dạng dưới dạng thông điệp dữ liệu điện tử thì Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân không được gửi bằng phương thức điện tử mà phải giao nộp bằng phương thức khác theo quy định của pháp luật tố tụng.

Chương III

CẤP, TỔNG ĐẠT, THÔNG BÁO VĂN BẢN TỐ TỤNG CỦA TÒA ÁN

Điều 21. Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân đã đăng ký giao dịch điện tử với Tòa án thì văn bản tố tụng do Tòa án ban hành theo quy định của pháp luật tố tụng phải được Tòa án gửi từ Công thông tin điện tử Tòa án đến tài khoản giao dịch điện tử đã được đăng ký của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thời hạn pháp luật quy định.

Điều 22. Nhận và xử lý thông điệp dữ liệu điện tử do Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được sử dụng thông điệp dữ liệu điện tử mà Tòa án gửi từ Công thông tin điện tử của Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận, thực hiện các nội dung, yêu cầu ghi trên văn bản tố tụng của Tòa án trong thời hạn quy định; thường xuyên kiểm tra tài khoản giao dịch điện tử đã đăng ký với Tòa án, đăng nhập tài khoản giao dịch điện tử để tra cứu, xem, in, sử dụng thông điệp dữ liệu điện tử đã gửi.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tự chịu trách nhiệm trong trường hợp không thực hiện việc đăng nhập, tiếp nhận, thực hiện các nội dung, yêu cầu ghi trên văn bản tố tụng của Tòa án.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Tòa án nhân dân tối cao tổ chức thực hiện giao dịch điện tử theo đúng quy định của Luật giao dịch điện tử, pháp luật tố tụng, Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Việc áp dụng giao dịch điện tử tại Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, *Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt* được thực hiện khi có đủ điều kiện.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày ... tháng ... năm 20... và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 20....

2. Nghị quyết này thay thế Nghị định số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Luật tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử

3. Trong quá trình triển khai thi hành Nghị quyết nếu có vướng mắc cần được hướng dẫn thì các Tòa án phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao để Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo CCTPTW;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Các TAND và TAQS;
- Các Thẩm phán TANDTC
- Các các đơn vị thuộc TANDTC;
- Công TTĐT TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH TANDTC.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN

Lê Minh Trí